CÔNG TY CỔ PHẦN QL&KT HẦM ĐƯỜNG BỘ HẢI VÂN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số : 94./CBTT- HAMADECO	*Đà Nẵng, ngày 02 tháng 4 năm 2018*

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Về việc báo cáo tài chính năm 2017 có sửa đổi bổ sung

1. Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC HẦM ĐƯỜNG BỘ HẢI VÂN**

- Mã chứng khoán: HHV
- Trụ sở chính: 27 Bùi Chát – P. Hòa Khánh Bắc – Q. Liên Chiểu – TP. Đà Nẵng
- Điện thoại: 02363 730574 Fax: 02363 842713
- Email: annv@hamadeco.vn

2. Nội dung thông tin công bố: Về việc báo cáo tài chính năm 2017 có sửa đổi bổ sung

- Ngày 30/03/2018, Công ty đã thực hiện CBTT BCTC đã kiểm toán năm 2017 lên hệ thống IDS của UBCKNN và hệ thống CIMS của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Tuy nhiên, vì lý do scan nhầm bản Draf dự thảo. Công ty đính chính lại bản Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 (Đính kèm Báo cáo tài chính).

Những nội dung sửa đổi, bổ sung số liệu, cụ thể như sau:

Thứ tự	Nội dung	Số đã công bố	Số chỉnh sửa	Số trang
I	**Bảng Cân đối kế toán**			
1	Mục B.V.2: Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	43.500.000.000	91.283.120.000	6
2	Mục C.I.9: Phải trả ngắn hạn khác	37.196.900.205	84.980.020.205	7
II	**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**			
1	I.11: Tăng, giảm các khoản phải trả(không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	200.214.860.173	247.997.980.173	10
2	II.5: Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-30.000.000.000	-77.783.120.000	10
III	**Bản thuyết minh báo cáo tài chính**			
1	Mục 02.b: Đầu tư vào đơn vị khác	43.500.000.000	91.283.120.000	21
2	Mục 14.a: Phải trả ngắn hạn	37.196.900.205	84.980.020.205	29

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày ..5../4/2018. Địa chỉ Website đăng tải nội dung: hamadeco.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Bản sao báo cáo tài chính năm 2017,

Nơi nhận:

- Uỷ ban chứng khoán NN (báo cáo);
- Sở GDCK HN (báo cáo);
- HĐQT (báo cáo);
- B.TGĐ, các bộ phận liên quan;
- Lưu VT.

NGƯỜI ỦY QUYỀN CBTT

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC HẦM ĐƯỜNG BỘ HẢI VÂN

Nguyễn Văn Ân

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC HẦM ĐƯỜNG BỘ HẢI VÂN

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản Lý Và Khai Thác Hầm Đường Bộ Hải Vân (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Và Khai thác Hầm đường bộ Hải Vân có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 07 tháng 09 năm 2017.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2017 là: **49.375.000.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 27 Bùi Chát, Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh xây dựng, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường; Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: Chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dung dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; Xây dựng nhà các loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sửa chữa các sản phẩm đúc sẵn; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lập trình máy vi tính; Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bốc xếp hàng hóa; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế;

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

- Văn phòng Công Ty Cổ Phần Quản Lý Và Khai Thác Hầm ĐB Hải Vân
- XN Quản Lý ĐB Và Xây Dựng Hải Vân - Chi Nhánh Hamadeco
- CN Hợp Doanh Bachchambard - Hamadeco

Công ty liên doanh, liên kết

- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

(Tên cũ là: Công ty CP Thương Mại Dịch Vụ Hamadeco)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Sau ngày kết thúc niên độ kế toán năm 2017, Công ty có thực hiện tăng vốn 30 tỷ đồng lên tổng số vốn là 79.375.000.000 đồng từ góp vốn của Công ty CP Tập Đoàn Cầu Đường Sài Gòn theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19 ngày 27 tháng 2 năm 2018.

Ngoài các sự kiện nêu trên, BanTổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu khác nào phát sinh sau ngày 31/12/2017 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông:	Đỗ Văn Nam	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16/11/2017
Ông:	Phan Văn Thắng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/01/2017
			Miễn nhiệm ngày 16/11/2017
Ông:	Nguyễn Xuân Hưởng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05/05/2017
Ông:	Trần Văn Thế	Chủ tịch	Từ ngày 26/11/2015 đến 10/09/2016
		Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/09/2016
		Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/05/2017
Ông:	Nguyễn Tấn Đông	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05/05/2017
Ông:	Lưu Bá Hợp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/05/2017
Ông:	Võ Thụy Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/07/2015
Ông:	Nguyễn Đình Chính	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/09/2016
Ông:	Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/08/2016
Ông:	Trần Đại Xuân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05/05/2017

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông:	Nguyễn Xuân Hưởng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/10/2017
Ông:	Trần Đại Xuân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/01/2016
		Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20/10/2017
		Phó TGĐ	Bổ nhiệm ngày 20/10/2017
Ông:	Nguyễn Quang Hưng	Phó T.Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/01/2017
Bà	Hoàng Thị Hải Oanh	Phó T.Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/12/2013
			Miễn nhiệm ngày 18/10/2017
Ông:	Trần Văn Chí	Phó T.Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/10/2017

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông:	Huỳnh Tấn Diệu	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21/03/2016
Bà	Trần Thị Hồng Lam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/12/2013
Ông:	Nguyễn Minh Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/08/2016

Đại diện theo pháp luật:

Ông:	Nguyễn Xuân Hưởng	Bổ nhiệm ngày 20/10/2017
Ông:	Trần Đại Xuân	Miễn nhiệm ngày 20/10/2017

Kế toán trưởng:

Ông: Nguyễn Văn Ân

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản Lý Và Khai Thác Hầm Đường Bộ Hải Vân phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty .

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Thay mặt Hội đồng Quản trị	**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**
Chủ tịch	**Tổng Giám đốc**
ĐỖ VĂN NAM	**NGUYỄN XUÂN HƯỞNG**

Số : 324./BCKT/TC/2018/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
của Công ty Cổ phần Quản lý Và Khai thác Hầm đường bộ Hải Vân

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Và Khai thác Hầm đường bộ Hải Vân được lập ngày 20 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng Giám đốc

Đỗ Khắc Thanh
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0064-2018-142-1

Kiểm toán viên

Lê Văn Tuấn
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2018-142-1

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**387.069.638.223**	**208.790.733.926**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**V.01**	**50.773.140.268**	**21.761.029.630**
111	1. Tiền		35.773.140.268	6.761.029.630
112	2. Các khoản tương đương tiền		15.000.000.000	15.000.000.000
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**			
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**234.079.731.932**	**75.967.560.600**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	72.221.270.463	42.301.227.079
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		9.884.661.738	28.977.356.340
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.04	161.636.680.360	7.222.112.924
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(9.662.880.629)	(2.533.135.743)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	**IV. Hàng tồn kho**	**V.05**	**94.620.475.378**	**100.813.302.785**
141	1. Hàng tồn kho		94.620.475.378	100.813.302.785
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**7.596.290.645**	**10.248.840.911**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.09	1.931.397.421	749.604.704
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.636.762.686	9.187.979.081
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.12	28.130.538	311.257.126
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**214.028.161.387**	**89.414.478.731**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**			
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác			
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	**II. Tài sản cố định**		**112.081.948.945**	**63.839.373.813**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.06	111.476.573.184	63.221.081.179
222	- Nguyên giá		177.935.449.175	121.563.672.936
223	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(66.458.875.991)	(58.342.591.757)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.07	605.375.761	618.292.634
228	- Nguyên giá		663.292.634	663.292.634
229	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(57.916.873)	(45.000.000)
230	**III. Bất động sản đầu tư**			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)			
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**	**V.08**	**1.146.125.520**	**7.898.116.500**
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.146.125.520	7.898.116.500
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	**V.02**	**91.283.120.000**	**13.500.000.000**
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		91.283.120.000	13.500.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**9.516.966.922**	**4.176.988.418**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.09	9.516.966.922	4.176.988.418
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**601.097.799.610**	**298.205.212.657**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C . NỢ PHẢI TRẢ**		**539.011.533.881**	**245.247.706.748**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**530.723.478.321**	**233.481.817.858**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	70.228.191.622	19.540.074.759
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		251.053.213.309	90.963.727.057
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	3.194.244.715	1.064.845.636
314	4. Phải trả người lao động		10.470.055.725	4.486.986.828
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.13	1.744.303.525	3.264.124.469
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	84.980.020.205	9.895.901.558
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.10	109.786.015.772	105.311.777.995
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(732.566.552)	(1.045.620.444)
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	**II. Nợ dài hạn**		**8.288.055.560**	**11.765.888.890**
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.10	8.288.055.560	11.765.888.890
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	**D . VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**V.15**	**62.086.265.729**	**52.957.505.909**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**		**62.086.265.729**	**52.957.505.909**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		49.375.000.000	49.375.000.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*			
411b	*- Cổ phiếu ưu đãi*			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(289.680.000)	(289.680.000)
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		(96.640.000)	
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		641.827.257	288.173.365
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		12.455.758.472	3.584.012.544
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*47.517.260*	*47.473.622*
421b	*- LNST chưa phân phối kỳ này*		*12.408.241.212*	*3.536.538.922*
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
430	**II. Nguồn kinh phí và quỹ khác**			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**601.097.799.610**	**298.205.212.657**

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
HOÀNG MINH NGUYỆT	NGUYỄN VĂN ÂN	NGUYỄN XUÂN HƯỞNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**VI.01**	**433.123.904.867**	**121.154.777.328**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	**123.816.363**	
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**433.000.088.504**	**121.154.777.328**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**VI.03**	**386.179.586.891**	**94.893.883.540**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**46.820.501.613**	**26.260.893.788**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	2.024.635.755	505.996.527
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	8.647.965.876	3.104.607.149
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*8.647.965.876*	*3.104.607.149*
24	8. Chi phí bán hàng			
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	V.06	24.145.211.497	15.826.764.197
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**16.051.959.995**	**7.835.518.969**
31	11. Thu nhập khác	VI.07	33.415.201	67.445.689
32	12. Chi phí khác	VI.08	520.066.067	3.369.332.185
40	**13. Lợi nhuận khác**		**(486.650.866)**	**(3.301.886.496)**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**15.565.309.129**	**4.533.632.473**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	3.157.067.917	997.093.551
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**12.408.241.212**	**3.536.538.922**
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	2.513	716
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		2.513	716

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
HOÀNG MINH NGUYỆT	NGUYỄN VĂN ÂN	NGUYỄN XUÂN HƯỞNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế**		**15.565.309.129**	**4.533.632.473**
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	1. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		9.893.441.653	6.533.358.019
03	2. Các khoản dự phòng		7.129.744.886	2.533.135.743
04	3. Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.024.635.755)	(505.996.527)
06	5. Chi phí lãi vay		8.647.965.876	3.104.607.149
07	6. Các khoản điều chỉnh khác			
08	**3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**39.211.825.789**	**16.198.736.857**
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(117.938.917.172)	(45.089.599.843)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		6.192.827.407	(92.240.846.412)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		247.997.980.173	109.929.926.332
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(6.521.771.221)	(821.655.193)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.647.965.876)	(3.458.022.956)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(781.314.879)	(200.000.000)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**159.512.664.221**	**(15.681.461.215)**
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(58.473.857.693)	(57.384.358.481)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		30.000.000	14.643.447.519
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(77.783.120.000)	(13.500.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.024.635.755	504.631.199
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(134.202.341.938)**	**(55.736.279.763)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(96.640.000)	
33	3. Tiền thu từ đi vay		198.819.481.923	142.928.521.427
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(197.823.077.476)	(72.882.668.205)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		2.802.023.908	
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt đ(hư**		**3.701.788.355**	**70.045.853.222**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**29.012.110.638**	**(1.371.887.756)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**21.761.029.630**	**23.132.917.386**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**		**50.773.140.268**	**21.761.029.630**

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
HOÀNG MINH NGUYỆT	NGUYỄN VĂN ÂN	NGUYỄN XUÂN HƯỞNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Và Khai thác Hầm đường bộ Hải Vân có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 07 tháng 09 năm 2017.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2017 là: **49.375.000.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 27 Bùi Chát, Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh xây dựng, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường; Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: Chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dung dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; Xây dựng nhà các loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sửa chữa các sản phẩm đúc sẵn; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lập trình máy vi tính; Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bốc xếp hàng hóa; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế;

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: 03 đơn vị

Tên công ty	Địa chỉ
- Văn phòng Công Ty Cổ Phần Quản Lý Và Khai Thác Hầm ĐB Hải Vâ	27 Bùi Chát, Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam
- CN Hợp Doanh Bachchambard - Hamadeco	27 Bùi Chát, Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam
- XN Quản Lý Đường Bộ Và Xây Dựng Hải Vân - Chi Nhánh Hamadec	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Công ty liên doanh, liên kết: 01 Công ty

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
- Công Ty CP Đầu Tư và Xây Dựng ICV Việt Nam	27 Bùi Chát, Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam	22%	22%

(Tên cũ: Công ty CP Thương Mại Dịch Vụ Hamadeco)

5. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

6. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

II . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác…

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

+ Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- Lập dự phòng phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.
Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:
- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:
- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:
- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành của kỳ hiện tại và các kỳ trước nếu chưa nộp được ghi nhận là nợ phải trả. Nếu giá trị đã nộp trong kỳ hiện tại và các kỳ trước vượt qua số phải nộp cho các kỳ đó, thì phần nộp thừa sẽ được ghi nhận là tài sản.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH) : Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	**114.711.777**	**337.392.655**
- VND	114.711.777	337.392.655
Tiền gửi không kỳ hạn	**35.658.428.491**	**6.423.636.975**
- Tiền gửi (VND)	35.658.428.491	6.423.636.975
- Tiền gửi (USD)		
Tiền đang chuyển		
Các khoảng tương đương tiền	**15.000.000.000**	**15.000.000.000**
- Tiền gửi có kỳ hạn	15.000.000.000	15.000.000.000
- Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Cộng	**50.773.140.268**	**21.761.029.630**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

02 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
	Giá gốc	*Giá hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Giá hợp lý*	*Dự phòng*
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	**13.500.000.000**			**13.500.000.000**		
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam (*)	13.500.000.000			13.500.000.000		
(Tên cũ: Công ty CP TM và DV Hamadeco)						
Đầu tư vào đơn vị khác	**77.783.120.000**					
- Cty Cổ Phần UDIC	77.783.120.000					
Cộng	**91.283.120.000**			**13.500.000.000**		

(*) Khoản đầu tư góp vốn vào công ty CP Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, số cp nắm giữ là 1.350.000 cp tương đương tỷ lệ 22%

Do các Công ty trên chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính theo quy định của Thông tư 200/TT-BTC.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
a) Ngắn hạn	**72.221.270.463**	**42.301.227.079**
CN Cty CP ĐT Đèo cả tại khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên		7.400.161.500
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z	5.470.065.086	3.967.812.903
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo cả		13.913.367.603
Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	3.399.652.533
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	34.210.331.629	3.467.311.774
Công ty Cổ phần Cầu đường 19	4.059.173.165	4.059.173.165
Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam	1.696.075.500	
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	5.082.418.376	
Cục Quản lý Đường bộ III	7.783.069.000	
Đối tượng khác	10.520.485.174	6.093.747.601
b) Dài hạn		
Cộng	**72.221.270.463**	**42.301.227.079**

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Xem thuyết minh VIII.03

04 . PHẢI THU KHÁC	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
a) Ngắn hạn	**161.636.680.360**		**7.222.112.924**	
Tạm ứng	116.241.800.526		2.077.964.506	
Ký quỹ	78.752.847		177.932.291	
Phải thu khác	45.316.126.987		4.966.216.127	
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	*8.000.000.000*		*4.000.000.000*	
+ Cục Quản lý đường bộ III	*837.818.000*		*837.818.000*	
+ Bảo hành các Công trình	*36.302.142.822*			
+ Đối tượng khác	*176.166.165*		*128.398.127*	
b) Dài hạn				
Cộng	**161.636.680.360**		**7.222.112.924**	

05 . HÀNG TỒN KHO	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
- Nguyên liệu, vật liệu	6.730.281.707		6.063.795.050	
- Công cụ, dụng cụ	451.998.788		479.062.749	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	87.438.194.883		94.265.748.740	
- Thành phẩm			4.696.246	
Cộng	**94.620.475.378**		**100.813.302.785**	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

06 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	**32.774.675.786**	**31.740.852.134**	**55.878.557.841**	**1.169.587.175**		**121.563.672.936**
2. Số tăng trong năm	**16.904.422.274**	**30.074.036.573**	**8.371.594.516**	**3.123.804.330**		**58.473.857.693**
- Mua trong năm	*2.937.543.293*	*30.074.036.573*	*8.371.594.516*	*3.123.804.330*		*44.506.978.712*
- Tăng khác	*13.966.878.981*					*13.966.878.981*
3. Số giảm trong năm	**2.102.081.454**					**2.102.081.454**
- Nhượng bán, thanh lý	*2.102.081.454*					*2.102.081.454*
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	**47.577.016.606**	**61.814.888.707**	**64.250.152.357**	**4.293.391.505**		**177.935.449.175**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu năm	**10.725.035.502**	**10.867.100.356**	**35.966.337.181**	**784.118.717**		**58.342.591.757**
2. Khấu hao trong năm	**1.676.887.785**	**4.151.209.913**	**3.781.836.171**	**270.590.911**		**9.880.524.780**
- Khấu hao trong năm	*1.676.887.785*	*4.151.209.913*	*3.781.836.171*	*270.590.911*		*9.880.524.780*
- Tăng khác						
3. Giảm trong năm	**1.764.240.546**					**1.764.240.546**
- Nhượng bán, thanh lý	*1.764.240.546*					*1.764.240.546*
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	**10.637.682.741**	**15.018.310.269**	**39.748.173.352**	**1.054.709.628**		**66.458.875.991**
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	**22.049.640.284**	**20.873.751.778**	**19.912.220.660**	**385.468.458**		**63.221.081.179**
2. Tại ngày cuối năm	**36.939.333.865**	**46.796.578.438**	**24.501.979.005**	**3.238.681.877**		**111.476.573.184**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 9.494.785.044 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 36.323.078.565 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

07 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	**618.292.634**			**45.000.000**		**663.292.634**
2. Số tăng trong năm						
- Mua trong năm						
- Tăng khác						
3. Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	**618.292.634**			**45.000.000**		**663.292.634**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu năm				**45.000.000**		**45.000.000**
2. Khấu hao trong năm	**12.916.873**					**12.916.873**
- Khấu hao trong năm	*12.916.873*					*12.916.873*
- Tăng khác						
3. Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	**12.916.873**			**45.000.000**		**57.916.873**
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	**618.292.634**					**618.292.634**
2. Tại ngày cuối năm	**605.375.761**					**605.375.761**

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 0 VND
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 605.375.761 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

08 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	**1.146.125.520**	**7.898.116.500**
- Chi phí XD nhà xe, kho dầu trạm trung chuyển phía Nam HHV	248.855.462	
- Xây dựng nhà 27 Bùi Chát		6.547.349.769
- Xây dựng xưởng cơ khí Công ty	154.919.455	96.186.128
- Xây dựng nhà tập thể	365.010.327	365.010.327
- Xây dựng khu thăm quan, du lịch	377.340.276	377.340.276
- Hạng mục nhà chung cư		512.230.000
Cộng	**1.146.125.520**	**7.898.116.500**

09 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a) Ngắn hạn	**1.931.397.421**	**749.604.704**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	531.818.072	185.662.447
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	806.537.316	395.492.257
Chi phí khác	593.042.033	168.450.000
b) Dài hạn	**9.516.966.922**	**4.176.988.418**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.410.971.332	658.905.937
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	5.406.817.789	232.034.032
Chi phí khác		586.870.648
Tiền thuê đất Nhà máy Long An	2.699.177.801	2.699.177.801
Cộng	**11.448.364.343**	**4.926.593.122**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

10 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a) Vay ngắn hạn

	Số cuối năm		*Trong năm*		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Vay ngắn hạn - VND	**109.786.015.772**	**109.786.015.772**	**198.819.481.923**	**194.345.244.146**	**105.311.777.995**	**105.311.777.995**
- NH Công Thương CN Đà Nẵng	107.643.537.879	107.643.537.879	198.819.481.923	191.458.515.551	100.282.571.507	100.282.571.507
- Cán bộ, công nhân viên	2.142.477.893	2.142.477.893		2.886.728.595	5.029.206.488	5.029.206.488
Vay ngắn hạn - USD						
Cộng	**109.786.015.772**	**109.786.015.772**	**198.819.481.923**	**194.345.244.146**	**105.311.777.995**	**105.311.777.995**

b) Vay dài hạn

	Số cuối năm		*Trong năm*		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Trên 1 năm đến 5 năm	8.288.055.560	8.288.055.560		3.477.833.330	11.765.888.890	11.765.888.890
Trên 5 năm						
Cộng	**8.288.055.560**	**8.288.055.560**		**3.477.833.330**	**11.765.888.890**	**11.765.888.890**

c) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

d) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan: Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
a) Ngắn hạn	**70.228.191.622**	**70.228.191.622**	**19.540.074.759**	**19.540.074.759**
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển An Phú			801.020.000	801.020.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ VINA S.F	3.260.046.927	3.260.046.927	1.412.813.400	1.412.813.400
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Tiến - Đà Nẵng	468.083.001	468.083.001	1.510.547.001	1.510.547.001
Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ kỹ thuật KĐHC Toàn Cầu	479.896.820	479.896.820	1.337.286.820	1.337.286.820
Công ty Cổ phần Tín Hùng Dũng	36.341.742	36.341.742	807.573.842	807.573.842
Công ty TNHH TM và XD Thịnh Quốc			1.138.225.687	1.138.225.687
Công ty TNHH Thủy Tùng Châu	1.587.557.361	1.587.557.361	1.132.620.290	1.132.620.290
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Đường Việt	238.307.200	238.307.200	2.228.840.000	2.228.840.000
Nguyễn Văn Dung	501.824.000	501.824.000	601.764.399	601.764.399
Công ty CP tập đoàn đầu tư XD CĐ Sài Gòn	15.238.846.661	15.238.846.661		
Công ty CP Kỹ thuật công nghiệp Á Châu	3.363.988.375	3.363.988.375		
Công ty CP nền móng Đua Fat	1.341.017.770	1.341.017.770		
Công ty CP Đầu tư và XD ICV Việt Nam	6.518.668.799	6.518.668.799		
Công ty TNHH TM và XD Thái Đại	2.625.700.000	2.625.700.000		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thái Sơn - CN Miền Nam	9.195.683.000	9.195.683.000		
Đối tượng khác	25.372.229.966	25.372.229.966	8.569.383.320	8.569.383.320
b) Dài hạn				
Cộng	**70.228.191.622**	**70.228.191.622**	**19.540.074.759**	**19.540.074.759**

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán

d) Phải trả người bán là các bên liên quan

Xem thuyết minh VIII.03

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		*Số phát sinh*		*Số cuối năm*	
	Phải thu	*Phải nộp*	*Số phải nộp trong năm*	*Số đã thực nộp trong năm*	*Phải thu*	*Phải nộp*
Thuế thu nhập doanh nghiệp		781.314.880	3.157.067.917	781.314.879		3.157.067.918
Thuế thu nhập cá nhân		2.045.903	189.292.309	154.161.415		37.176.797
Thuế GTGT		281.484.853	43.129.915.880	43.411.400.733		
Thuế tài nguyên			8.583.641	8.583.641		
Thuế khác	311.257.126		994.685.061	1.277.811.649	28.130.538	
Cộng	**311.257.126**	**1.064.845.636**	**47.479.544.808**	**44.346.877.027**	**28.130.538**	**3.194.244.715**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trích trước chi phí tiền thuê nhà gói SC1, SC2		2.514.800.000
Trích trước chi phí nhũ tương		55.809.000
Trích trước lãi vay	723.422.206	688.154.883
Các khoản khác	1.020.881.319	5.360.586
Cộng	**1.744.303.525**	**3.264.124.469**

14 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a) Ngắn hạn	**84.980.020.205**	**9.895.901.558**
Tài sản thừa chờ giải quyết		
Kinh phí công đoàn	308.765.767	179.846.896
Bảo hiểm xã hội, YT,TN	710.191.690	264.464.537
Tạm ứng (dư có TK 141)	94.104.616	249.561.761
Quỹ ủng hộ	397.160.222	301.269.931
Công ty France Emulsion tiền lợi nhuận hợp tác kinh doanh	1.840.185.227	1.840.185.227
Nguyễn Huy Tuấn Anh		2.354.000.000
Nguyễn Kim Hà		4.009.900.000
Công ty Cổ phần UDCI	47.783.120.000	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	33.846.492.683	696.673.206
b) Dài hạn		
Cộng	**84.980.020.205**	**9.895.901.558**

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	**49.375.000.000**	**(289.680.000)**		**288.173.365**	**47.473.622**	**49.420.966.987**
Tăng vốn trong năm trước						
Lãi trong năm trước					3.536.538.922	3.536.538.922
Tăng do trích lập từ lợi nhuận						
Giảm vốn trong năm trước						
Trích quỹ từ lợi nhuận						
Lỗ trong năm trước						
Chia cổ tức						
Thù lao hội đồng quản trị						
Giảm khác						
Số dư đầu năm nay	**49.375.000.000**	**(289.680.000)**		**288.173.365**	**3.584.012.544**	**52.957.505.909**
Tăng vốn trong năm nay						
Lãi trong năm nay					12.408.241.212	12.408.241.212
Tăng do trích từ lợi nhuận						
Tăng khác			(96.640.000)			(96.640.000)
Trích quỹ từ lợi nhuận				353.653.892	(707.307.784)	(353.653.892)
Giảm vốn trong năm nay						
Lỗ trong năm nay						
Chia cổ tức					(2.802.023.908)	(2.802.023.908)
Thù lao hội đồng quản trị						
Giảm khác					(27.163.592)	(27.163.592)
Số dư cuối năm nay	**49.375.000.000**	**(289.680.000)**	**(96.640.000)**	**641.827.257**	**12.455.758.472**	**62.086.265.729**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

15 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	*Số cuối năm*	%	*Số đầu năm*	%
Vốn góp của công ty mẹ	39.892.550.000	80,80%	39.892.550.000	80,80%
- Công ty CP Tập Đoàn Cầu Đường Sài Gòn (*)	*39.892.550.000*	*80,80%*	*39.892.550.000*	*80,80%*
Vốn góp của các đối tượng khác	9.482.450.000	19,20%	9.482.450.000	19,20%
Cộng	**49.375.000.000**	**100,00%**	**49.375.000.000**	**100,00%**

Ghi chú (*): Tên cũ là Công ty CP ĐT XD Cầu Đường Sài Gòn (Công ty mẹ)

15 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	49.375.000.000	49.375.000.000
- Vốn góp đầu năm	49.375.000.000	49.375.000.000
- Vốn góp tăng trong năm		
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	49.375.000.000	49.375.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

15 . 4. Cổ phiếu	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.937.500	4.937.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.937.500	4.937.500
- Cổ phiếu phổ thông	*4.937.500*	*4.937.500*
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.937.500	4.937.500
- Cổ phiếu phổ thông	*4.937.500*	*4.937.500*
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

15 . 5. Các quỹ của công ty:	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Quỹ đầu tư phát triển	641.827.257	288.173.365
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
- Dollar Mỹ (USD)		
- Bảng Anh (EUR)		

b) Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	*Năm trước*
a) Doanh thu		
Doanh thu hoạt động xây lắp, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa	341.339.872.106	100.369.676.259
Doanh thu dịch vụ	20.801.627.273	20.176.984.090
Doanh thu khác	70.982.405.488	608.116.979
Cộng	**433.123.904.867**	**121.154.777.328**

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

Đối tượng	**Mối quan hệ**	**Năm nay**
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư XD Cầu đường Sài Gòn	Công ty mẹ	15.970.056.285

02. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	*Năm trước*
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán	123.816.363	
Cộng	**123.816.363**	

03. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn hoạt động xây lắp, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa	306.775.862.573	76.827.313.900
Giá vốn dịch vụ	16.698.889.964	17.365.593.021
Giá vốn khác	62.704.834.354	700.976.619
Cộng	**386.179.586.891**	**94.893.883.540**

04. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.024.635.755	505.996.527
Cộng	**2.024.635.755**	**505.996.527**

05. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền vay	8.647.965.876	3.104.607.149
Cộng	**8.647.965.876**	**3.104.607.149**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

06 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nhân viên	8.678.433.516	7.474.369.587
Chi phí công cụ, dụng cụ	785.247.198	733.562.203
Chi phí khấu hao	632.809.144	496.265.154
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.897.054.881	1.296.208.604
Thuế, phí, lệ phí	5.500.000	286.554.240
Các khoản chi phí QLDN khác	11.146.166.758	5.539.804.409
Cộng	**24.145.211.497**	**15.826.764.197**

07 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	*Năm trước*
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	30.000.000	
Các khoản khác	3.415.201	67.445.689
Cộng	**33.415.201**	**67.445.689**

08 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	337.840.890	2.559.115.191
Chi phí thanh lý Công cụ dụng cụ, hàng tồn kho		502.777.308
Các khoản khác	182.225.177	307.439.686
Cộng	**520.066.067**	**3.369.332.185**

09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nguyên, vật liệu	242.839.779.859	128.927.130.506
Chi phí nhân công	81.995.299.551	30.201.205.059
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.814.158.167	5.145.434.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.521.303.082	14.939.091.551
Chi phí khác bằng tiền	1.386.150.671	4.811.019.925
Cộng	**394.556.691.330**	**184.023.881.735**

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	3.157.067.917	997.093.551
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**3.157.067.917**	**997.093.551**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	12.408.241.212	3.536.538.922
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.937.500	4.937.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	**2.513**	**716**

(*) Điều chỉnh chỉ tiêu năm trước theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BC lưu chuyển tiền tệ trong tương lai *Năm nay*

- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	*Năm nay*
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	198.819.481.923

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	*Năm nay*
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường:	197.823.077.476

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

03 . Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	*Năm trước*
Thù lao và tiền lương của các thành viên quản lý chủ chốt	1.436.615.385	1.482.825.170

b. Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	**Mối quan hệ**
Côngg ty Cổ phần đầu tư xây dựng Cầu đường Sài Gòn	Công ty Mẹ
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hamadeco	Công ty liên kết
Trần Đại Xuân	Thành viên Hội đồng quản trị

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Côngg ty Cổ phàn đầu tư xây dựng Cầu đường Sài Gòn		
	Doanh thu	15.970.056.285
	Mua hàng hóa dịch vụ	63.587.612.459
	Người mua trả tiền trước	226.495.074.381
	Doanh thu bán nước từ Haseco	3.963.000
	Tiền kỹ quỹ chờ tăng vốn điều lệ	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hamadeco		
	Mua hàng hóa dịch vụ	5.743.098.591
Trần Đại Xuân	Tạm ứng	118.987.248.659

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải thu (VND)
Trần Đại Xuân	Tạm ứng	113.804.017.089

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải trả (VND)
Côngg ty Cổ phàn đầu tư xây dựng Cầu đường Sài Gòn		
	Phải trả tiền ký quỹ chờ tăng vốn điều lệ	30.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

04 . Thông tin bộ phận

a. Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

	Năm nay				*Năm trước*			
Chỉ tiêu	***Đà Nẵng***	***Quảng Nam***	***Huế***	***Tổng cộng***	***Đà Nẵng***	***Quảng Nam***	***Huế***	***Tổng cộng***
Doanh thu thuần về hoạt động xây lắp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ra bên ngoài	269.282.446.910	2.895.230.491	53.192.138.420	325.369.815.821	78.747.036.129	2.698.469.160		81.445.505.289
Doanh thu thuần về dịch vụ trung chuyển ra bên ngoài	9.451.867.773		11.349.759.500	20.801.627.273	12.814.873.527		7.362.110.563	20.176.984.090
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp khác ra bên ngoài	70.982.405.488			70.982.405.488	608.116.979			608.116.979
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận	15.846.239.922			15.846.239.922	18.924.170.970			18.924.170.970
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**365.562.960.093**	**2.895.230.491**	**64.541.897.920**	**433.000.088.504**	**111.094.197.605**	**2.698.469.160**	**7.362.110.563**	**121.154.777.328**
Kết quả kinh doanh theo bộ phận				46.820.501.613				26.260.893.788
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				24.145.211.497				15.826.764.197
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				**22.675.290.116**				**10.434.129.591**
Doanh thu hoạt động tài chính				2.024.635.755				505.996.527
Chi phí tài chính				(8.647.965.876)				(3.104.607.149)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Năm nay				*Năm trước*			
Chỉ tiêu	***Đà Nẵng***	***Quảng Nam***	***Huế***	***Tổng cộng***	***Đà Nẵng***	***Quảng Nam***	***Huế***	***Tổng cộng***
Thu nhập khác				33.415.201				67.445.689
Chi phí khác				(520.066.067)				(3.369.332.185)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(3.157.067.917)				(997.093.551)
Lợi nhuận sau thuế TNDN				**12.408.241.212**				**3.536.538.922**
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				**44.506.978.712**				**57.384.358.481**
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				**22.218.542.680**				**18.479.044.092**

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý: Tài sản của Công ty chủ yếu tập trung tại trụ sở chính do đó không phát sinh Tài sản theo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

b. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh để theo dõi và quản lý hoạt động của mình.

Chỉ tiêu	Bất động sản	Xây dựng	Thương mại	Doanh thu khác	Tổng cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.307.858.184	341.216.055.743	20.801.627.273	69.674.547.304	433.000.088.504
Tài sản bộ phận	9.235.533.056	512.908.933.582	78.953.332.972		601.097.799.610
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(14.479.108.981)	(43.994.748.712)			(58.473.857.693)
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.569.757.133	98.799.919.126	20.176.984.090	608.116.979	121.154.777.328
Tài sản bộ phận	8.723.303.056	258.311.696.629	31.170.212.972		298.205.212.657
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(8.723.303.056)	(48.661.055.425)			(57.384.358.481)

05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		*Số đầu năm*			
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.773.140.268		21.761.029.630		50.773.140.268	21.761.029.630
Phải thu khách hàng	72.221.270.463		42.301.227.079		72.221.270.463	42.301.227.079
Trả trước cho người bán	9.884.661.738		28.977.356.340		9.884.661.738	28.977.356.340
Các khoản phải thu khác	161.636.680.360		7.222.112.924		161.636.680.360	7.222.112.924
Đầu tư tài chính ngắn hạn						
Đầu tư tài chính dài hạn	91.283.120.000		13.500.000.000		91.283.120.000	13.500.000.000
Cộng	**385.798.872.829**		**113.761.725.973**		**385.798.872.829**	**113.761.725.973**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		*Số đầu năm*			
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả cho người bán	70.228.191.622		19.540.074.759		70.228.191.622	19.540.074.759
Người mua trả tiền trước	251.053.213.309		90.963.727.057		251.053.213.309	90.963.727.057
Vay và nợ	118.074.071.332		117.077.666.885		118.074.071.332	117.077.666.885
Phải trả người lao động	10.470.055.725		4.486.986.828		10.470.055.725	4.486.986.828
Cổ phiếu chuyển đổi						
Các khoản phải trả khác	84.980.020.205		9.895.901.558		84.980.020.205	9.895.901.558
Cộng	**534.805.552.193**		**241.964.357.087**		**534.805.552.193**	**241.964.357.087**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	70.228.191.622		70.228.191.622
Người mua trả tiền trước	251.053.213.309		251.053.213.309
Vay và nợ	109.786.015.772	8.288.055.560	118.074.071.332
Chi phí phải trả	1.744.303.525		
Các khoản phải trả phải nộp khác	84.980.020.205		84.980.020.205
Cộng	**517.791.744.433**	**8.288.055.560**	**524.335.496.468**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

d. Tài sản đảm bảo

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	Số cuối năm
Tài sản cố định	11.267.626.460
Bất động sản đầu tư	8.723.303.056

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

07 . Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

08 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm Toán Phía Nam (AASCs)

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
HOÀNG MINH NGUYỆT	NGUYỄN VĂN ÂN	NGUYỄN XUÂN HƯỞNG